

Tập 162

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi bảy:

(Kinh) Phục thứ Xá Lợi Phất, bĩ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhĩ âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp.

(Sớ) Thượng ngôn chư thiên hiển thụ. Thử ngôn cảm thụ thành âm. Hựu thượng ngôn cúng dường chi thắng. Kim ngôn văn pháp chi thắng dã.

(經) 復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根。五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。

(疏) 上言諸天獻瑞。此言禽樹成音，又上言供養之勝，今言聞法之勝也。

(Kinh: Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu, đủ màu: Chim Bạch Hạc, chim Công, Vẹt, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, tiếng hát hòa nhã. Âm thanh ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế.

Sớ: Trong phần trước là chư thiên dâng hiến những thứ tốt lành. Ở đây, nói chim và cây phát ra âm thanh. Lại nữa, phần trước nói về sự cúng dường thù thắng. Ở đây, nói về sự nghe pháp thù thắng).

“Thượng” là nói về khoa trước. Trong đoạn lớn thuộc phần trước, đã nói về chuyện chư thiên cúng dường A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân. Đoạn này là khoa thứ tư, đề mục của khoa này là Hóa Cảm Phong Thụ, Hóa (化) là biến hóa. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ nhất đã nói rất rõ ràng: A Di Đà Phật thành Phật, thế giới của Ngài quyết định chẳng có ba ác đạo. Những thứ chúng ta thấy là súc sanh đạo, kinh này đã nói rất rõ ràng, kinh Vô Lượng Thọ cũng giới thiệu rất minh bạch, [những loài “súc sanh” ấy] do A Di Đà Phật biến hóa ra, tuyệt đối chẳng phải là súc sanh đạo thật sự! Thuyết pháp mà vận dụng phương

pháp ấy chính là nghệ thuật hóa sự dạy học! Không chỉ pháp âm của Phật có thể phổ cập trọn khắp, mà đồng thời còn có thể khiến cho người nghe tâm tình thoải mái, vui sướng. Vì nếu chúng ta đối diện A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là thầy, nói chung, chúng ta sẽ cảm thấy gò bó. Gò bó sẽ chẳng tự tại. Nếu là Bạch Hạc, Khổng Tước thuyết pháp cho chúng ta, chúng ta vừa có thể chơi đùa với chúng, vừa có thể nghe pháp, tâm tình hoàn toàn khác hẳn. Quý vị liền biết A Di Đà Phật từ bi dường ấy, nghĩ tưởng quá chu đáo.

Bất luận người phương Đông hay phương Tây đều thích đến thăm, đến ngắm nhìn Sở Thú. Trong Sở Thú nơi thế gian này có rất nhiều động vật quý hiếm. Nhìn thấy chúng sẽ vui mắt sướng lòng, nhưng chúng chẳng thể thuyết pháp. Những con vật nơi Sở Thú tại Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là động vật, mà do A Di Đà Phật biến hóa. Ngài tạo ra một vườn thú, những động vật ấy thấy đều có thể thuyết pháp. A Di Đà Phật trăm ngàn ức hóa thân, đứng là Phổ Môn Thị Hiện như trong phẩm Phổ Môn. Thị hiện viên mãn nhất, thù thắng nhất là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Xác thực là nên dùng thân gì đặc độ, Ngài bèn dùng thân ấy để thuyết pháp. Nên dùng thân Bạch Hạc để đặc độ, bèn hiện thân Bạch Hạc để thuyết pháp cho quý vị. Nên dùng thân Khổng Tước đặc độ, liền hiện thân Khổng Tước để thuyết pháp cho quý vị. Vô cùng thù thắng trang nghiêm! Vì thế, chương này nhằm giảng cho chúng ta biết sự thù thắng trong việc nghe pháp.

“*Bỉ quốc thường hữu*” (Cõi ấy thường có), “*thường*” (常) là chẳng gián đoạn. Tuy thế giới này của chúng ta có, nhưng chẳng thường, vì sao? Động vật đều có thọ mạng, có sanh, lão, bệnh, tử, chẳng thể thường sống trên thế gian. Nhất là trong hiện thời, tức là trong xã hội chúng ta đang sống, nói thật sự là một xã hội hồng bét. Kể từ sau khi khoa học kỹ thuật phát triển, hoàn cảnh sinh thái trên địa cầu bị phá hoại nghiêm trọng, có rất nhiều động vật chẳng thể thích ứng sinh tồn, dần dần bị tuyệt chủng. Trên thế giới này tuy có những loài cầm thú quý hiếm, nhưng thọ mạng chẳng dài, cũng chẳng tồn tại vĩnh cửu trên thế gian này! Chúng ta biết nhiều loại sinh vật cổ đại nay đã tuyệt tích, chỉ có thể thấy trong các hóa thạch, vô thường mà! Những loài chim quý hiếm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là vô lượng thọ. A Di Đà Phật vô lượng thọ, tất cả Bồ Tát đại chúng là vô lượng thọ, những loài chim do A Di Đà Phật biến hóa cũng là vô lượng thọ. “*Thường*” là vô lượng thọ.

“*Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điều*” (Các thứ chim kỳ diệu, nhiều màu): Chủng loại các loài chim khá nhiều, chúng ta cũng chẳng có

cách nào tưởng tượng được. Kinh chỉ nêu ra mấy loại tượng trưng, tuyệt đối chẳng phải là chỉ có mấy loại ấy. Có nhiều chủng loại trong thế giới này chẳng có, hoặc tồn tại trên địa cầu vào thời cổ, nay đã tuyệt chủng, Tây Phương Cực Lạc thế giới có [những loài ấy]. Nơi ấy quả thật là một viện bảo tàng lớn nhất trong vũ trụ, là một thế giới chân thiện mỹ huệ.

“*Kỳ diệu ngôn dị thường*” (“*Kỳ diệu*” ý nói dị thường), chẳng phải là những thứ chúng ta thường thấy, mà vô cùng hiếm có, trân quý. “*Bạch Hạc*” là trong nhiều loại, chỉ nêu một hai loại, [như] Bạch Hạc, Không Tước, Anh Vũ, do thường trông thấy nên có thể biết. Có người nói Xá Lợi là chim Thu Lộ (秋鷺), người Hoa gọi nó là Lộ Tư (鷺鷥). Có người nói Xá Lợi và Xuân Oanh (春鶯) là cùng một loại, là một loại chim nhỏ hót rất hay, rốt cuộc là loài nào, chúng tôi chẳng khảo cứu! Ca Lăng Tần Già và chim Cộng Mạng: Ca Lăng Tần Già (Kalaviṅka) hót hay, tiếng hót vô cùng du dương, nên gọi là Diệu Âm. Cộng Mạng (Jīvajīvaka) là loài chim hai đầu, tức là một con chim mà có hai cái đầu. Hai loại chim này chỉ có ở núi Hỷ Mã Lạp Nhã, rất trân quý, rất hiếm hoi. Trong đoạn kinh này, điều quan trọng nhất là thuyết pháp. “*Trú dạ lục thời, xuất hòa nhĩ âm*” (Ngày đêm sáu thời, thốt ra tiếng hòa nhĩ), “*hòa*” (和) là nhu hòa, “*nhĩ*” (雅) là chánh chứ chẳng tà. Nhã có nghĩa là Chánh.

Kế đó cũng là trong vô lượng pháp môn, đức Phật chỉ nêu ra cương lĩnh. Cương lĩnh ấy thường được gọi là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm (Saptatrimśad bodhipāk-śikā dharmāḥ). “*Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần*” đều thuộc về Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm chia thành bảy khoa, tức là bảy loại, trước đó còn có ba khoa, “*Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc*”. Trong kinh [A Di Đà], chẳng có ba khoa này, kinh chỉ nói bắt đầu từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Vì sao đức Phật chẳng nói ba khoa ấy? Nói thật ra, phàm là người đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba khoa ấy đều đầy đủ, đều viên mãn, cũng có nghĩa là “*đều đã tốt nghiệp ba khoa ấy*”. Dầu là hạ phẩm hạ sanh, quý vị thấy giống như là “*quán thân bất tịnh*” trong Tứ Niệm Xứ, Đại Kinh cho biết người hạ phẩm hạ sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”, há còn có bất tịnh?

Vì thế, cả ba khoa trước đều đã tốt nghiệp. Tứ Như Ý Túc (Catvāra-rddhipādāḥ) là nói tới thần thông, kinh dạy: Đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), quý vị có thần thông gần giống như A Di Đà Phật! Vì lẽ đó, ba khoa kia chẳng cần thiết, học bắt đầu từ Ngũ Căn và Ngũ Lực; nhưng

ba khoa này đến phần sau vẫn phải nêu ra bổ sung. Vì người Tây Phương Cực Lạc thế giới đã tốt nghiệp, nhưng đối với chúng ta trong hiện tiền, ba khoa ấy vẫn khá trọng yếu. Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, đại sư chú giải rất nhiều, rất phong phú.

(Sớ) *Nhiên thử tam thập thất phẩm, thuộc Tiểu Thừa pháp, thật thông Đại Thừa, tùy kỳ tâm hạnh, như chư kinh luận trung thuyết.*

(疏) 然此三十七品，屬小乘法，實通大乘，隨其心行，如諸經論中說。

(Sớ: Nhưng ba mươi bảy phẩm ấy thuộc về pháp Tiểu Thừa, thật ra là thông với Đại Thừa, tùy thuộc tâm hạnh [mà sẽ là pháp Tiểu Thừa hay Đại Thừa] như trong các kinh luận đã nói).

Thông thường chúng ta dễ nói đến Ba Mươi Bảy Phẩm đều nghĩ đó là pháp Tiểu Thừa, thật ra nó thông với Đại Thừa. Thiên Thai Trí Giả đại sư giảng Tứ Niệm Xứ, liền giảng Tạng, Thông, Biệt, Viên. Ngài trước tác bốn quyển, Tạng Giáo Tứ Niệm Xứ là Tiểu Thừa, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo Tứ Niệm Xứ là Đại Thừa. Tứ Niệm Xứ có bốn giáo! “*Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo*”, lẽ nào lại chẳng thông Tứ Giáo? Chính là như đã nói ở đây, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm như thế nào, tùy thuộc tâm hạnh ấy. Do vậy, có thể biết, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là Đại - Tiểu Thừa cùng tu học, Tam Thừa cùng học, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều phải tu học.

(Sao) *Thông Đại Thừa giả, Du Già tứ thập tứ vân.*

(鈔) 通大乘者，瑜伽四十四云。

(Sao: “Thông với Đại Thừa” là như luận Du Già quyển bốn mươi bốn nói).

Du Già Sư Địa Luận quyển bốn mươi bốn.

(Sao) *Đại Thừa Bồ Đề phần, nãi hữu đa chủng, tam thập thất phẩm, thị kỳ trung biệt nghĩa, thông ư Đại Tiểu.*

(鈔) 大乘菩提分，乃有多種，三十七品，是其中別義，通於大小。

(Sao: Đại Thừa Bồ Đề phần có nhiều loại. Ba mươi bảy phẩm là ý nghĩa riêng biệt trong số ấy, chung cho cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa).

Du Già Sư Địa Luận là luận Đại Thừa, chẳng phải là luận Tiểu Thừa. Nó là kinh điển căn bản của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Kinh điển y cứ của Pháp Tướng Tông là sáu kinh mười một luận. Trong sáu kinh, bộ kinh trọng yếu nhất là kinh Giải Thâm Mật, bộ luận chủ yếu nhất trong mười một luận là Du Già Sư Địa Luận. Đây là nói rõ Ba Mươi Bảy Phẩm chung cho Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa.

(Sao) Trí Luận vân.

(鈔) 智論云。

(Sao: Đại Trí Độ Luận nói).

“Trí Luận” là Đại Trí Độ Luận, cũng thuộc loại luận Đại Thừa. Đại Trí Độ Luận là chú giải kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, do Long Thọ Bồ Tát soạn, dịch sang tiếng Hán gồm một trăm cuốn.

(Sao) Tam thập thất phẩm, vô sở bất nhiếp, tức vô lượng đạo phẩm, diệc tại kỳ trung.

(鈔) 三十七品，無所不攝，即無量道品，亦在其中。

(Sao: Ba mươi bảy phẩm không gì chẳng bao gồm, tức là vô lượng đạo phẩm cũng thuộc trong ấy).

Do vậy, có thể biết, Ba Mươi Bảy Phẩm là tổng cương lĩnh của Phật pháp. Nói đúng ra là đã đem vô lượng đạo phẩm quy nạp thành ba mươi bảy loại; vì thế, ba mươi bảy loại ấy không gì chẳng bao gồm!

(Sao) Tịnh Danh vân.

(鈔) 淨名云。

(Sao: Kinh Tịnh Danh nói).

“Tịnh Danh” là kinh Duy Ma Cật.

(Sao) Đạo phẩm thị đạo tràng, hựu vân “đạo phẩm thị Pháp Thân nhân”.

(鈔) 道品是道場，又云道品是法身因。

(Sao: “Đạo phẩm là đạo tràng”. Lại nói: “Đạo phẩm là cái nhân của Pháp Thân”).

Nêu lên khá nhiều kinh luận để chứng minh. Đạo tràng là nơi đắc đạo.

(Sao) Nhiếp Đại Thừa vân.

(鈔) 攝大乘云。

(Sao: Luận Nhiếp Đại Thừa nói).

“*Nhiếp Đại Thừa*” là Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahāyāna-saṃgrahaśāstra), cũng là một luận trong mười một luận của Duy Thức.

(Sao) “Đạo phẩm thị Bồ Tát Bảo Cụ Đà La Ni”. Niết Bàn vân: “Nhược nhân năng quán Bát Chánh Đạo, tức kiến Phật tánh, danh đắc đề hồ, giai ước đại thuyết.

(鈔) 道品是菩薩寶炬陀羅尼。涅槃云：若人能觀八正道，即見佛性，名得醍醐。皆約大說。

(Sao: “Đạo phẩm là Bảo Cụ Đà La Ni của Bồ Tát”. Kinh Niết Bàn nói: “Nếu người nào có thể quán Bát Chánh Đạo, liền thấy Phật tánh, gọi là được đề-hồ”, [những câu như vậy] đều là nói theo giáo nghĩa Đại Thừa).

Câu này là tổng kết, những kinh luận được trích dẫn trên đây đều nói rõ Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm thông với Đại Thừa. Vì lẽ đó, chẳng thể coi Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là Tiểu Thừa, [nếu coi là Tiểu Thừa] thì sai mất rồi!

(Sao) Tùy tâm hạnh giả, như Niết Bàn vân: “Trí hữu nhị chủng, nhất giả Trung Trí, nhị giả Thượng Trí. Quán chư Ám khổ, thị danh Trung Trí. Phân biệt chư Ám hữu vô lượng tướng, phi Thanh Văn, Duyên Giác sở tri, thị danh Thượng Trí”, tắc tri đạo phẩm thị nhất, quán trí đại tiểu, cố vô định dã.

(鈔) 隨心行者，如涅槃云：智有二種，一者中智，二者上智。觀諸陰苦，是名中智；分別諸陰有無量相，非聲聞緣覺所知，是名上智。則知道品是一，觀智大小，固無定也。

(Sao: “Tùy thuộc tâm hạnh”: Như kinh Niết Bàn nói: “Trí có hai loại, một là Trung Trí, hai là Thượng Trí. Quán các Ám là Khổ, bèn gọi là Trung Trí. Phân biệt các Ám có vô lượng tướng, Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể biết được, bèn gọi là Thượng Trí”, nên biết đạo phẩm là

một, nhưng do quán trí mà thành Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Vì thế, chẳng nhất định).

Liên Trì đại sư viết đoạn này vô cùng hay. Đúng như tông Hoa Nghiêm đã nói: “*Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên*”. Nói thực tại, pháp chẳng có nhất định, tùy mỗi người mỗi khác. Nếu là người Tiểu Thừa, tâm lượng rất nhỏ, quý vị giảng kinh Hoa Nghiêm cho người ấy, kinh Hoa Nghiêm cũng biến thành Tiểu Thừa. Tâm lượng to, dầu chúng ta giảng kinh A Hàm, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung là kinh thuộc thời A Hàm, là kinh Tiểu Thừa, chúng ta giảng kinh ấy hoàn toàn biến nó thành Đại Thừa. Không chỉ biến nó thành Đại Thừa, mà còn biến nó thành Nhất Thừa.

Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh ấy, đã dùng giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm để nhìn kinh ấy, [bèn thấy] kinh ấy là Viên Giáo Nhất Thừa. Thầy Lý nói: “Giảng kiểu đó, người ta chẳng phục!” Vậy thì làm thế nào? Thầy thêm vào hai chữ, [trở thành] “*Nhất Thừa giai thể*” (Thêm bậc Nhất Thừa), [nghĩa là] cơ sở của Nhất Thừa. Thầy bảo: “Anh thêm vào như vậy, người khác chẳng nói gì được. Nếu không, nhìn vào Đại Tạng Kinh, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh thuộc thời A Hàm, anh nói như vậy, chẳng phải là kẻ khác sẽ kiếm chuyện làm phiền ư?” Khiến cho họ biện luận, tranh cãi, phiền lắm! Vì thế, vẫn phải khiêm hư một chút, khách sáo đôi chút! Đích xác là pháp tùy thuộc mỗi người mỗi khác, cho nên phán giáo chẳng thể phán định chết cứng. Phán định chết cứng, sẽ phạm sai lầm! Tất cả hết thấy kinh điển đều là sống động, hoạt bát, quả thật là tùy theo tâm hạnh mà phân biệt, đó là hoàn toàn chánh xác.

Ở đây, Ngài nói có Trung Trí và Thượng Trí. Trung Trí chỉ căn tánh trung hạ, tức là nói từ Thanh Văn, Duyên Giác trở xuống; Thượng Trí là nói đến Bồ Tát. Chỉ có Bồ Tát mới có năng lực phân biệt vô lượng pháp tướng, nhưng chưa vị phải hiểu sự phân biệt ấy là Hậu Đắc Trí của Bồ Tát. Nói thật thà, từ Thanh Văn trở xuống, chẳng có trí huệ! Trong kinh luận thường nói ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. A La Hán và Bích Chi Phật chỉ có nửa phần giải thoát, chẳng có Bát Nhã, Pháp Thân cũng chẳng có. Chưa vị nhất định phải biết, chúng đắc Pháp Thân thì Bát Nhã mới hiện tiền, vì sao? Bát Nhã là năng chứng (chủ thể chứng đắc), Pháp Thân là sở chứng (lý được chứng đắc). Hai điều này chẳng tách rời; hề có năng chứng, ắt có sở chứng. A La Hán và Bích Chi Phật chưa chứng đắc Pháp Thân, lấy đâu ra Bát Nhã? Nếu họ có Bát Nhã, chẳng phải là đã chứng đắc Pháp Thân ư? Do đó, hai loại người ấy chỉ có Định, chẳng có

Huệ. Công phu Thiền Định của họ rất sâu, kinh Lăng Nghiêm nói họ đắc Cửu Thứ Đệ Định. Do chỉ có Định, chẳng có Huệ, nên họ đắc giải thoát đôi chút, có thể vượt thoát lục đạo, sanh tử, luân hồi, nhưng chẳng thể chứng Pháp Thân.

Chỉ có mình Bồ Tát là khác biệt. Bồ Tát được nói ở đây vẫn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, chẳng phải là Quyền Giáo Bồ Tát, mà là Thật Giáo Bồ Tát, thật sự khai trí huệ. Sự giáo học, quan niệm, phương tiện, và phương pháp trong Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng khác nhau. Quan niệm và phương tiện của Đại Thừa chú trọng nơi Căn Bản Trí, còn quan niệm và phương tiện của hàng Tiểu Thừa chú trọng Thiền Định, nên cách nghĩ và cách làm khác nhau. Hết sức rõ rệt là các phương pháp được sử dụng bởi những vị lịch đại tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa tới nay chẳng giống phương pháp sử dụng bởi Tiểu Thừa tại Ấn Độ. Hiện thời, phương pháp được truyền qua nhiều đời tại Trung Quốc khác hẳn Nam Truyền Phật Giáo tại Nam Dương. Thái Lan, Tích Lan (Sri Lanka) cũng khác hẳn, quan niệm và phương pháp khác biệt. Sự việc rõ rệt này trước kia thấy rất rõ ràng, nay đã chẳng thấy rõ rệt nữa. Tại Đài Loan, hiện thời giáo học Phật Giáo rất hỗn loạn, loạn đến nổi đâm ra chẳng bằng Tiểu Thừa. Tiểu Thừa chú trọng Định, còn nay chúng ta nói thật thà là Tiểu Thừa thì cũng chẳng ra Tiểu Thừa, Đại Thừa cũng chẳng ra Đại Thừa, hiện thời là Phật pháp gì vậy? Nói thực tại, hiện thời là Phật pháp điên đảo, cổ đại đức nói là “*tu mù, luyện đui*”. Hiện thời là phương pháp tu mù luyện đui, chẳng có nguyên tắc để có thể tuân theo, hy vọng các đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này.

Giáo học trong Phật pháp nhất định phải thực hiện từ Căn Bản Trí. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, các vị nhất định phải chú trọng tâm thanh tịnh. Để vun bồi cái tâm thanh tịnh, phải tuân thủ đường lối do cổ đức đã dạy, bắt đầu từ chỗ nào? Thực hiện bằng học thuộc lòng, chẳng mong rất hiểu. Vì sao? Vì chúng ta chẳng có trí huệ, những ý nghĩa của kinh mà chúng ta thấy đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính chúng ta. Làm sao chúng ta hiểu được ý nghĩa của kinh điển? Bài Kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Nói thật thà, ý nghĩa của tôi quý vị còn chẳng hiểu, làm sao quý vị hiểu ý nghĩa của Như Lai? Vì thế, trước hết, chúng ta đọc kinh. Đọc kinh là phương pháp, cũng là một thứ phương pháp trong vô lượng pháp môn. Phương pháp ấy tốt đẹp, vô cùng thù thắng. Dùng phương pháp ấy, chỉ đọc, chẳng cầu hiểu! Đọc kinh nhằm mục đích tu Giới, tu Định, tu Huệ, hoàn thành Giới, Định, Huệ Tam Học một lượt. Đồng thời đọc kinh là Giác chứ không mê, Chánh chứ

không tà, Tịnh chứ chẳng nhiễm. Giác, Chánh, Tịnh là cương lĩnh tu học của chúng ta, [đọc kinh là] hoàn thành ba cương lĩnh ấy cùng một lúc. Nếu quý vị cầu thông hiểu, thừa cùng quý vị, Tam Học bị phá hoại, Tam Bảo cũng bị phá hoại. Giác, Chánh, Tịnh là Tam Bảo! Vì thế, đọc kinh một mực chẳng cầu hiểu rất rõ, chúng ta tu Tam Học, bồi dưỡng Tam Bảo, công đức này to lắm! Giới ở trong ấy, Định ở trong ấy, Huệ ở trong ấy, niệm nhiều sẽ tự nhiên khai ngộ.

Cổ nhân thường nói: “*Đọc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa*”, “*tự thấy*” là khai ngộ! Quý vị niệm càng nhiều, tâm càng thanh tịnh, không nhất định gặp cơ duyên nào, hễ gặp liền hoát nhiên đại ngộ, khai ngộ. Tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nào khai ngộ. Vì thế, chuyện chẳng cần phải biết bèn chẳng cần biết đến, người chẳng cần quen biết, chẳng cần xã giao. Tôi bảo mọi người đừng đọc báo, đừng xem TV, hãy buông hết xuống, thân tâm thanh tịnh, đắc tự tại. Nói thực tại, đối với sức khỏe thân thể hay tinh thần đều có ích rất lớn, tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh, trăm bệnh chẳng sanh! Quý vị bị bệnh là do tâm chẳng trong sạch, thân chẳng trong sạch. Vì lẽ đó, ăn uống phải đơn giản, bao tử sạch sẽ, tâm sạch lâu, người ấy chẳng sanh bệnh. Đến khi lâm chung, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, tốt đẹp lắm! Đấy mới chính là điều người học Phật mong cầu! Những chuyện khác đều chẳng liên quan đến chúng ta, hãy nên bỏ sạch sành sanh, đừng bận tâm tới chúng!

“*Thượng trí*” là trí huệ của Bồ Tát, chúng ta có thể vun bồi. Từ căn tánh trung hạ, nếu đúng pháp, lý luận và phương pháp có thể tương ứng, người căn tánh trung hạ cũng có thể bồi dưỡng thành thượng thượng trí. Ở Trung Quốc, trải qua các đời, chúng ta có thể thấy rất nhiều gương như vậy trong Tông Môn và Giáo Hạ. Dưới đây là giới thiệu về Ngũ Căn:

(Sớ) Ngũ Căn giả, nhất Tín, nhị Tấn, tam Niệm, tứ Định, ngũ Huệ, năng sanh thánh đạo, cổ danh vi Căn. Hựu như Câu Xá, cụ tam nghĩa cổ.

(Sao) Căn hữu nhị nghĩa: Nhất giả, năng trì nghĩa, trì kỳ sở dĩ đắc, nhị tự phần bất thất dã. Nhị giả, sanh hậu nghĩa, sanh kỳ sở dĩ đắc, nhi thắng tấn thượng cầu dã.

(疏) 五根者，一信、二進、三念、四定、五慧，能生聖道，故名為根。又如俱舍，具三義故。

(鈔) 根有二義：一者能持義，持其所已得，而自分不失也；二者生後義，生其所未得，而勝進上求也。

(*Sớ*: Ngũ Căn: Một là Tín, hai là Tấn, ba là Niệm, bốn là Định, năm là Huệ, có thể sanh thánh đạo, nên gọi là Căn. Lại như luận Câu Xá nói Căn có ba ý nghĩa.

Sao: Căn có hai ý nghĩa: Một là có thể Trì, Trì cái đã có, nhưng chính mình chẳng để mất. Hai là nghĩa có thể sanh những điều sau đó, sanh những cái chưa đạt được, lại còn tiến lên cầu cao hơn).

Được gọi là Căn (Indriya) vì nó “*năng sanh thánh đạo*” (có thể sanh ra thánh đạo), thánh đạo là gì? “*Thánh*” là thánh nhân. Chúng ta gọi những điều được chứng đắc bởi chư Phật và chư đại Bồ Tát là “*thánh đạo*”. Chư Phật và chư đại Bồ Tát chứng đắc điều gì? Nói đơn giản là Thật Tướng của các pháp, là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đây chẳng phải là mê tín, nay chúng ta nói là mê, Phật nói là ngộ, chúng ta mê gì? Chúng ta chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nên gọi là “*mê*”. Phật và Bồ Tát đối với chân tướng của vũ trụ, quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, chẳng có điều gì không hiểu rõ, chẳng có gì không thông đạt, nên gọi là Ngộ.

Trí huệ to dường ấy, năng lực to dường ấy, từ đâu mà có? Có phải là do học được hay chăng? Chẳng phải! Không học được! Không học, làm sao có thể thông đạt? Ở đây có một bí mật, người bình phàm chúng ta không biết, nhưng đức Phật biết. Bí mật ấy là gì? Nguyên lai tận hư không khắp pháp giới là do một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta biến hiện, đó là bí mật. Nếu chúng ta triệt để hiểu rõ một niệm tâm tánh, hết thấy vạn pháp sẽ tự nhiên thông đạt. Cổ nhân nói: “*Thức đắc bốn, bất sâu mật*” (Đã biết gốc, chẳng lo ngọn). Tâm tánh là cội gốc, sâu la vạn tượng trong vũ trụ và nhân sinh là cành nhánh; chỉ cần quý vị tìm được cội gốc thì cành nhánh thấy đều đạt được. Do đó nói là Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí, Nhất Thiết Trí, Phổ Biến Trí đều cùng hiện tiền. Danh từ nhiều ngàn ấy, gọi chung là Hậu Đắc Trí. Nay tâm tánh chúng ta mong cầu là Căn Bản Trí. Đã đắc Căn Bản Trí, chẳng lo Hậu Đắc Trí nữa! Do đó có thể biết: Cầu căn bản trọng yếu lắm! Trong Thiền Tông, Căn Bản Trí được gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, trong Giáo Hạ là “*đại khai viên giải*”, trong Tịnh Độ Tông là “*nhất tâm bất loạn*”, danh từ trong các tông khác nhau, nhưng ý nghĩa và cảnh giới như nhau, chẳng khác biệt. Do vậy, có thể biết, chúng ta từ pháp môn này, dựa trên năm kinh một luận của Tịnh Tông, dùng phương pháp trì danh niệm Phật này, chúng ta cầu nhất tâm bất loạn. Vì thế, chúng ta tu hành phải đặc biệt chú trọng tâm địa thanh tịnh, tịnh đến chỗ tột cùng, đạt được nhất tâm!

Chúng đắc Sự nhất tâm, quý vị bèn đắc Niệm Phật tam-muội. Chúng Lý nhất tâm, bèn gọi là Niệm Phật Bảo Vương tam-muội, tăng thêm hai chữ Bảo Vương. Hơn nữa, Bảo Vương tam-muội cũng là Hoa Nghiêm tam-muội. Cảnh giới Hoa Nghiêm rộng lớn vô biên, quý vị bèn thông đạt hết thảy. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều nhằm đạt tới mục tiêu này, nhưng trong hết thảy các pháp môn, tùy thuộc tâm hạnh khác nhau, mà có dễ và khó. Pháp môn này có thể tùy thuận phàm phu nghiệp chương sâu nặng, đều có hữu hiệu, trên có thể phù hợp bậc Đăng Giác Bồ Tát, dưới có thể tùy thuận ác đạo chúng sanh, pháp môn này thù thắng khôn sánh; nên cổ đức gọi là “*đạo dễ hành*”, đạo lý ở chỗ này! Ngũ Căn (Pañcendriya) có thể sanh ra thánh đạo, nên gọi là Căn.

Tiếp đó là nói cặn kẽ. Căn có hai ý nghĩa:

- Một ý nghĩa là “*năng trì nghĩa*” (ý nghĩa có thể trì), đây là bản thân có năng lực. “*Trì*” là bảo trì, [năng trì] là gìn giữ những gì đạt được, chẳng để mất đi.

- Ý nghĩa thứ hai là “*sanh hậu nghĩa*”, [tức là] không chỉ có thể bảo trì, mà còn có thể sanh trưởng. Ví như một cái cây có rễ, không chỉ có thể giữ vững, mà còn có thể từ từ tăng trưởng.

Căn có năm loại lớn. Loại lớn thứ nhất là Tín (Śraddā).

(Sao) Ngôn Tín Căn giả, vị u Đế Lý thâm nhẫn nhạo dục, thị danh Tín Căn.

(鈔) 言信根者，謂於諦理深忍樂欲，是名信根。

(Sao: Nói đến Tín Căn, nghĩa là đối với Đế Lý bèn thâm nhẫn, ưa muốn, nên gọi là Tín Căn).

Đây là cách giảng theo Pháp Tướng Duy Thức Tông. Nói đơn giản, Đế Lý là Tứ Đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bốn thứ chân thật. Khổ Tập là nhân quả thế gian, Diệt Đạo là nhân quả xuất thế gian, chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên tin sâu chẳng nghi. Đức Phật nói hai tầng nhân quả thế gian và xuất thế gian, nói pháp thế gian thì nói quả trước, nói nhân sau. Vì sao? Quý vị nói “nhân” với hết thảy chúng sanh, do nhân vẫn chưa có kết quả, họ sẽ xem thường, chẳng để ý. Quý vị nói quả báo với họ, quả báo ở ngay trước mắt, họ sợ hãi, sẽ đặc biệt chú ý, nên nói quả trước. Quả là gì? Khổ! Trong Tứ Niệm Xứ đã nói “*Quán Thọ là Khổ*”. Thọ là gì? Cảm nhận, hoặc có thể nói là hưởng thụ. Sự hưởng thụ của quý vị trong hiện tại là khổ, đó là sự thật. Trong tam giới chẳng có lạc, đức Phật đã nói rõ những nỗi khổ nơi thân tâm chúng ta, quy nạp thành ba khổ, hoặc tám khổ, tổng

cương lĩnh là ba loại lớn. Ba loại lớn ấy là Tam Giới Khổ (các nỗi khổ trong ba cõi): Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ, chúng sanh trong Dục Giới thấy đều có; đến Sắc Giới Thiên, chẳng còn Dục, nên chẳng có Khổ Khổ, nhưng họ có Hoại Khổ và Hành Khổ. Dầu đạt đến Vô Sắc Giới Thiên, chư thiên Vô Sắc Giới chẳng cần đến thân thể, rất tự tại, nay chúng ta gọi [Vô Sắc Giới Thiên] là Linh Giới, họ còn có Hành Khổ. Tuy chẳng có Hoại Khổ, nhưng còn có Hành Khổ, vẫn chẳng lìa khỏi khổ. Dục Giới của chúng ta khổ nhất!

Lần này, California của Mỹ bị động đất lớn; ngày hôm qua, tại Trung Hoa Đại Lục lại xảy ra động đất, có những chuyên gia nghiên cứu động đất dự đoán Đài Loan sớm muộn gì cũng bị động đất lớn một lần. Tôi ở ngoại quốc, nghe nói trong vòng mười năm từ 1990 đến 2000, trên địa cầu có rất nhiều tai nạn to lớn, lớp vỏ địa cầu có biến hóa. Họ nói trong tương lai khí hậu vùng Tây Bá Lợi Á (Siberia) của Liên Xô tốt nhất, nước Mỹ biến thành Nam Cực, Trung Quốc biến thành Bắc Cực, chẳng thích hợp cho con người sống sót. Đó là địa cầu di chuyển khác thường trong vũ trụ, rất đáng sợ! Nếu là con người làm nhân tố thì phải là chiến tranh nguyên tử. Nếu trên địa cầu trong một tuần đồng thời ba chục hoặc năm chục quả bom nguyên tử bùng nổ, sự chấn động có thể khiến cho địa cầu biến động. Trong vòng mười năm sẽ có tai nạn to lớn như thế, nếu hiện thời chúng ta chẳng nghiêm túc niệm Phật, ai nấy chẳng trốn thoát được! Vì thế, nói chung, hiện thời mọi người phải nhìn thoáng một chút, xem đăm bạc một chút, đừng so đo, tính toán chi ly những chuyện trước mắt, giả trá mà!

Nay chúng ta nhìn vào lòng người trên toàn thế giới, nhìn vào sự tạo tác của toàn thể nhân loại trên thế giới, đúng là như cổ nhân đã nói “*tạo nghiệp*”! “*Nghiệp*” (孽) là trái trời nghịch đất! Lòng trời từ bi hỷ xả, vì sao biết? Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, nếu quý vị muốn sanh vào Sắc Giới Thiên, phải tu Tứ Thiên Bát Định, phải tu Tứ Vô Lượng Tâm Từ Bi Hỷ Xả, nên chúng ta biết tâm của chư thiên trong mười tám tầng trời Sắc Giới là từ bi hỷ xả. Chúng ta có từ bi hay không? Chẳng có từ bi hỷ xả, tức là trái nghịch lòng trời!

Địa tâm là gì? Đối với “*địa tâm*”, quý vị đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, vua Diêm La và các quỷ vương trong địa ngục đã nói họ chẳng mong trừng trị các tội nhân, chẳng mong trừng phạt, mà là mong những kẻ ấy chẳng tạo tội nghiệp nữa, chẳng đọa ác đạo. Những kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, chẳng biết tâm lòng của các vị quỷ vương và thần thổ địa. Hằng ngày tạo giết, trộm, dâm, dối, tạo nghiệp! Trái nghịch trời đất, thiên

thần, quỷ thần đều chẳng hoan hỷ, nhân gian tự nhiên có tai nạn to lớn xảy đến.

Vì lẽ đó, khổ là quả, quả báo từ đâu mà có? Đương nhiên có nguyên nhân, nhân là gì? Nhân là Tập, Tập là mê hoặc tạo nghiệp. Không cần nói sâu, tâm thiên địa chẳng biết, mà đạo thánh nhân cũng chẳng biết, chúng ta coi thường, quên bằng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, thậm chí còn ác ý hủy báng, còn gì để nói nữa! Hai trăm năm trước, Trung Hoa được coi là đại quốc văn minh nhất, cường thịnh nhất trên thế giới, từ xưa tới nay đều xưng là Thiên Triều, được các quốc gia dân tộc tôn kính, họ kính trọng điều gì? Người Hoa làm theo giáo huấn của thánh nhân. Từ sau khi Lưu Bang thành lập chánh quyền nhà Hán, đối với chuyện giáo dục của quốc gia bèn chọn tư tưởng Khổng Mạnh, lấy đó làm tông chỉ giáo học của đất nước, mãi cho đến đời Mãn Thanh, chúng ta gọi là Nho gia. Tông chỉ giáo học của Nho gia là Ngũ Luân, Bát Đức, [tông chỉ ấy] được gọi là Thường Đạo (đạo thường hằng).

Ngũ Luân nói về mối quan hệ giữa con người với nhau, vô cùng hòa thuận, hiện thời điều này được gọi là “*thân ái tinh thành*” (lòng thành chuyên ròng thân ái). Hiện thời, bốn chữ ấy là khẩu hiệu, nhưng Nho gia thật sự làm được bốn chữ ấy. Xã hội Ngũ Luân là một xã hội đoàn kết, toàn thể dân tộc trong quốc gia muôn người như một, quan hệ giữa con người với nhau là như vậy. Từ phạm vi hẹp nhất là vợ chồng, vợ chồng là một nhà, [thường gọi là] “*gia thất*”, “*thất*” (室) nghĩa là một căn phòng, cùng chung sống! Căn phòng ấy mở rộng ra thành gia đình, gia đình có cha con, anh em. Lại mở rộng ra thành xã hội, quốc gia, có vua tôi, có bạn bè, thường nói là “*tứ hải chi nội giai bằng hữu dã*” (trong bốn biển đều là bạn bè). Bạn bè của bạn bè, cả nước đều là bạn bè, hàng xóm của xóm giềng, cả nước là xóm giềng. Giáo học Nho gia đã gần hai ngàn năm, chúng ta lãnh nhận sự giáo dục ấy, nay bài xích, chẳng cần đến nữa. Do Ngũ Luân là nói về quan hệ giữa con người với nhau, thật sự nói về “*thân ái tinh thành*”. Vì vậy, chúng ta nêu ra câu khẩu hiệu bốn chữ này, nếu chẳng có quan niệm luân lý và giáo học luân lý của Nho gia, bốn chữ ấy rỗng tuếch, chẳng có ý nghĩa gì! Vì thế, giữa người và người với nhau tự nhiên hòa thuận, con người sẽ tự nhiên chiếu cố lẫn nhau, xã hội là một bầu hòa thuận. Quan niệm đạo đức cơ bản cũng là nói tới cuộc sống của chúng ta, là quy tắc chung sống dành cho mọi người, giống như giới điều cơ bản trong Phật pháp, là một công ước để chúng ta chung sống trên địa cầu, ai nấy đều phải tuân thủ. Nho gia đề ra Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Nhân là nhân từ, phải có lễ phép, phải nói tới nghĩa vụ. Nghĩa vụ ấy là chẳng nói tới chuyện báo đáp. Thấy người khác cần chúng ta giúp đỡ chỗ nào, phải nên giúp họ, phải trọn hết nghĩa vụ, chớ nên nói tới chuyện báo đáp. Từ xưa, tại Trung Quốc, giáo học là nghĩa vụ, chưa hề nghe nói thầy nhất định phải thu học phí của trò, chẳng có. Tiền học trả cho thầy giáo là học trò cúng dường thầy, chắc chắn thầy chẳng ấn định tiêu chuẩn cho sự cúng dường ấy. Mỗi tháng phải nộp học phí bao nhiêu, dạy quý vị một giờ phải trả bao nhiêu tiền, đó là kinh doanh buôn bán! Giáo học là nghĩa vụ, là sư đạo. Nếu ấn định giá cả, người nghèo hèn sẽ chẳng có cơ hội nhận lãnh giáo dục. Vì lẽ đó, sư đạo đáng tôn kính dường ấy! Khổng lão phu tử giáo học là “*hữu giáo vô loại*” (dạy dỗ chẳng phân biệt), tức là đối với học trò quyết định chẳng phân biệt, học trò tùy ý cúng dường thầy. Nhà quý vị giàu có, cúng dường nhiều một chút, thầy cũng nhận. Nhà quý vị nghèo hèn, một chút cúng dường cũng chẳng có, thầy cũng chẳng trách quý vị. Thầy chẳng thể nói: “Ta dạy ngươi suốt một năm, mà ngươi chẳng cúng dường chút gì, năm sau, ngươi khỏi cần đến nữa!” Chẳng có đạo lý ấy, chẳng có loại thầy ấy. Vì thế, thầy luôn rất thanh bần, cuộc sống rất kham khổ, nhưng địa vị trong xã hội rất cao cả, thanh cao! Thầy được đại chúng trong xã hội tôn kính. Thầy thấy học trò trong tương lai sẽ có thành tựu trong xã hội, rất an ủi, thầy đã chẳng lãng phí tâm huyết!

Vì lẽ đó, phải nhấn mạnh nghĩa vụ, mỗi người đều bằng lòng trọn hết nghĩa vụ đối với xã hội và đại chúng, chẳng nói tới chuyện báo đáp, xã hội mới thật sự có tiến bộ. Trong sự báo đáp, sẽ có chuyện bớt công, giảm vật liệu, có lười nhác, có dối gạt; trong nghĩa vụ chẳng có. Đó là tận hết nghĩa vụ. Do vậy, Nho gia nói Nghĩa, nói Lễ, nói Trí. Trí là lý trí, chẳng dùng cảm tình; xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dùng lý trí. Nói năng giữ chữ tín, bèn gọi là “*tín nhiệm*”. Con người trên thế gian khác cầm thú, là do con người có năm thứ quan niệm đạo đức ấy. Tông chỉ giáo dục của Nho gia là Ngũ Luân, Ngũ Thường. Ngũ Thường là nhân đạo, tức là đạo lý làm người. Đó là cơ bản nhất. Lại phát triển thành Bát Đức, tức trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình. Hiện thời, những điều này đều chẳng được nhắc đến, thầy đều bị vứt bỏ, hiện thời nói đến điều gì! Hoàn toàn nói đến lợi hại, đáng sợ quá! Con người qua lại với nhau là: Có lợi cho ta, ta hợp tác với quý vị. Có chỗ bất lợi cho ta, hay chẳng có ích gì, quý vị làm sao ta mặc kệ, chẳng màng đến nữa! Xã hội cứ phát triển như vậy, đó là chủ nghĩa Công Lợi (Utilitarianism). Có thể nói là hiện thời chủ nghĩa Công Lợi đã phát triển đến cực đoan, hoàn toàn chẳng có đạo nghĩa, thuần túy là kết hợp vì lợi hại, đáng sợ quá! Vì lợi hại mà biến hóa. Hôm

nay chúng ta là hai người bạn tốt; ngày mai, quý vị chẳng đạt được lợi ích từ nơi đây, bèn nhẹ thì đoạn giao, còn nặng là oan gia đối đầu! Kinh hãi quá!

Xã hội đã phát triển đến nông nỗi ấy, chẳng có cách nào cứu vãn. Vì thế, thầy Lý nói: *“Chỉ có một con đường để đi là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”*, nhanh chóng di dân, di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ biện pháp này ra, chẳng có cách nào, thiên hạ đã loạn, Phật, Bồ Tát, thần tiên đều trị chẳng được. Chúng ta phải nhận thức rõ rệt tình cảnh trước mắt, thế giới này đúng là khổ, chẳng vui gì! Bản thân quý vị hãy suy nghĩ xem, từ sáng đến tối trong tâm quý vị có sung sướng hay không? Quý vị rất sung sướng, thì sự sung sướng ấy có thể giữ được mấy ngày? Có thể giữ được mấy năm? Chẳng thể không nghiêm túc tự vấn, phản tỉnh. Nếu quý vị quả nhiên giác ngộ thấy sự thụ dụng và hưởng thụ của chúng ta chỉ có khổ, chẳng có lạc, quý vị mới nhận biết thế giới này chẳng thể ở được! Tông này (Tịnh Độ Tông) gọi điều này là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, *“nguyện lìa Sa Bà, nguyện cầu sanh Cực Lạc”*, từ chỗ này, tâm nguyện ấy mới có thể dấy khởi. Quý vị chẳng biết thế giới này là khổ, vẫn chẳng nghĩ rời khỏi! Nói cách khác, cái tâm, cái nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của quý vị sẽ chẳng khẩn thiết. Quý vị thật sự biết thế giới này là khổ, tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khẩn thiết. Vì vậy, trước hết phải là biết Khổ, phải đoạn Tập, phải đoạn mê hoặc, điên đảo, tạo tác, phải đoạn trừ những điều ấy.

Thứ hai là phải tin tưởng sâu xa nhân quả xuất thế gian. Đức Phật cũng là nói quả trước, quả là gì? Quả là Diệt. Chữ Diệt này còn được gọi là Niết Bàn, hoặc còn gọi là Viên Tịch. Diệt là gì? Diệt là diệt phiền não, diệt khổ nhân, diệt khổ quả, tiêu diệt khổ nhân lẫn khổ quả. Hiện thời, rất nhiều người dùng sai ý nghĩa này, ngỡ là gì? Người xuất gia chết bèn gọi là Viên Tịch, nực cười thay! Viên là công đức viên mãn, Tịch là tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh tịch diệt, mang ý nghĩa này. Viên Tịch rõ ràng là sự chứng đắc trong khi còn sống. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện dưới cội Bồ Đề, đêm trông thấy sao Mai bèn thành Tội Chánh Giác, Tội Chánh Giác là gì? Là chứng đắc Viên Tịch. Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi chứng đắc Viên Tịch. Nếu người đã chết bèn gọi là Viên Tịch thì có ai chẳng viên tịch? Ai nấy đều viên tịch, cần gì phải tu nữa? Viên là nói tới chuyện *“nhân viên, quả mãn”*, tu hành viên mãn!

Thanh tịnh tịch diệt, quả vị này là quả vị chí cao vô thượng. Kinh Nhân Vương giảng về quả vị Bồ Tát, đã chia thành năm tầng cấp. Năm tầng cấp đều được gọi là Nhẫn. Tầng cấp cao nhất là Tịch Diệt Nhẫn, có

ý nghĩa Viên Tịch. Tịch Diệt Nhẫn cũng có ba phẩm: Hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn là Thập Địa Bồ Tát, đây là Pháp Vân Địa Bồ Tát, trung phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát, thượng phẩm là Phật quả. Viên Tịch, nói thật thà, nêu danh phù hợp thực thì mức độ thấp nhất là Thập Địa, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát. Từ Cửu Địa trở về trước đều chẳng đủ tư cách gọi là Hạ Phẩm Viên Tịch, vì Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Nhẫn, chẳng phải là Tịch Diệt Nhẫn. Do đó, trước hết Ngài nói về Diệt, cũng là quả, tức là Đại Niết Bàn nơi quả địa Như Lai, dùng phương pháp nào thì mới có thể chứng đắc? Nhất định phải tu Đạo. Do đó, bốn điều Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều là thật, là chân lý, nhất định phải tu Đạo. Đạo ấy, nói thông thường là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tiểu Thừa nói Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, trong pháp Đại Thừa có vô lượng đạo phẩm; nhưng ba mươi bảy phẩm có thể gồm trọn vô lượng đạo phẩm.

Ở đây nói “*vị u Đế Lý*” (nghĩa là đối với Đế Lý), [Đế Lý là] Tứ Đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chư vị phải biết Tứ Đế có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay Tứ Đế được nói trong Tịnh Độ Tông là Viên Giáo Tứ Đế. Tịnh Độ Tông là đại pháp viên đốn. Cổ đức đã nói, như trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: Kinh Di Đà là “*Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tử*”. Ông Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Vì thế, kinh này là thuần viên, cực viên, là viên nhất trong các pháp viên. Do đó, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được nói trong kinh này là Viên Giáo Đạo Phẩm.

Đối với điều này, chúng ta phải “*thâm nhẫn*”, “*nhẫn*” (忍) là tin tưởng, chẳng hoài nghi. Nhẫn có nghĩa là “*an trụ*”, tâm an trụ nơi đạo lý ấy, trọn chẳng hoài nghi, trọn chẳng lay động, đó là “*thâm nhẫn*”. “*Nhạo*” (樂) là ưa thích, yêu chuộng. “*Dục*” (欲) là dục vọng (ham muốn, mong mỏi). Ta muốn nương theo lý luận và phương pháp này để tu học, rất hoan hỷ chiếu theo lý luận và phương pháp ấy để tu học thì gọi là “*nhạo dục*”. Như thế gọi là Tín Căn, lòng tin của quý vị mới có cội rễ.

Chữ Tín chẳng dễ dàng! Nay chúng ta muốn tu pháp môn Tịnh Độ, nghe người ta giảng Thiền Tông ở bên kia, trong tâm hâm mộ, vẫn mong được học. Nghe nói ở chỗ nọ có quán đánh Mật Tông, cũng muốn tới tham gia, đó là gì? Tuy có Tín, chẳng có Căn! Tín mà chẳng có cội rễ, bèn giống như bè trôi trên nước, bị gió thổi giạt, chẳng thể có thành tựu. Vì lẽ đó, Tín có Căn đáng quý, quý vị rất có thể thành tựu. Tín mà chẳng có Căn, chỉ gieo phước đức trong tám thức điên mà thôi, chẳng thể nào thành tựu trong một đời này. Do đó, các đồng tu hãy nên tự mình kiểm điểm đôi chút, cũng có thể quan sát các đồng tu học Phật, người nào có thành tựu,

kẻ nào chẳng có thành tựu, trong tâm chúng ta đều nhận biết, cũng có thể nói rất rõ ràng: Phàm là kẻ tâm địa dao động, thấy lạ, nghĩ khác, kẻ ấy chẳng thể có thành tựu trong một đời này. Phàm là người kiên trì tin tưởng, chẳng nghi ngờ, trọn chẳng dao động, người ấy sẽ thành tựu trong một đời này.

Tôi lại nói rõ hơn một chút. Hiện thời, đạo tràng giảng kinh tại thành phố Đài Bắc rất nhiều, đạo tràng làm miếu hội cũng rất nhiều, kẻ thường đến khắp các đạo tràng đều chẳng có Tín Căn, đều là dao động. Thật sự có Tín Căn, thừa cùng chư vị, sẽ theo một thầy, đến một đạo tràng, trọn chẳng đến đạo tràng thứ hai, trọn chẳng nghe người thứ hai giảng, người ấy có Tín Căn, bất luận học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu, thật sự đáng cho chúng ta tôn kính. Đi khắp nơi, nói thật ra là chẳng đáng ca tụng. Chớ nên nói: “Chúng ta giảng kinh ở đây, người từ đạo tràng khác đến chỗ chúng ta, người ở đây đông đảo, chúng ta hoan hỷ”. Tôi chẳng tỏ vẻ hoan hỷ, vì sao? Đạo tràng này của tôi có thêm quý vị thì cũng chẳng nhiều, mà thiếu mất quý vị thì cũng chẳng ít. Vì sao nói vậy? Vì quý vị chẳng thể thành tựu! Quý vị đến chỗ tôi thì cũng đến chỗ khác, đi lung tung các nơi, có gì là hiếm hoi, lạ lùng? Chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng cả!

Người ta tu học ở một chỗ, theo chắc một vị thầy, tu học tại một đạo tràng, dầu chẳng tu Tịnh Độ Tông, tu theo các tông phái khác, chúng ta phải tôn kính. Vì sao? Người ấy [tu tập] đúng lý đúng pháp. Nếu chư vị muốn giới thiệu người đến đây nghe kinh, mà thấy hạng người ấy, chớ nên giới thiệu, hãy tôn kính họ, cổ vũ, khích lệ họ, cách làm của họ là đúng. Có thể kéo người nào đến nghe kinh? Những kẻ đi lung tung khắp nơi! Đối với hạng người ấy [lôi kéo đến nghe kinh] thì được, tâm người ấy như bèo nổi, nay bị gió giạt đến nơi này, ngày mai giạt sang chỗ khác. Hạng người ấy thì [lôi kéo] được, quý vị khuyên họ tới đây nghe kinh thì được, chẳng sao cả, tạo thiện căn cho họ mà! Tín phải có Căn!

(Sao) Thử nhất vi Tổng, dư tứ thừa thượng.

(鈔) 此一為總，餘四承上。

(Sao: Điều này là Tổng, bốn điều kia nhằm tiếp nối điều trên).

Trong Ngũ Căn, Tín Căn quan trọng nhất. Vì chẳng có Tín Căn, những điều tiếp theo là Tấn, Niệm, Định, Huệ đều chẳng thể có, chẳng thể nào phát sanh. Do vậy, những điều sau như Tấn, Niệm, Định, Huệ đều do Tín mà thành tựu. Do vậy, có thể biết, Tín trọng yếu ngàn ấy! Đại Luận có nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo,

mẹ công đức). Tín là cội nguồn nhập đạo, là mẹ của hết thảy công đức. “*Mẫu*” mang ý nghĩa tỷ dụ “có thể sanh”, Tín có thể sanh hết thảy công đức, điều này đã nêu rõ tầm quan trọng của Tín.

Mở kinh Phật ra, câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. “*Như thị*” là Tín Thành Tựu. Trong Bách Pháp của Duy Thức, pháp đầu tiên trong mười một thiện pháp là Tín; ngay cả Nho gia cũng coi trọng chữ Tín. Con người nếu chẳng có Tín, chẳng có cách nào tồn tại trong xã hội. Trong xã hội phương Tây hiện thời, quan niệm ấy còn được thừa nhận phổ biến, nhưng xã hội Trung Quốc lại ngược ngạo chẳng nhận biết! Trong xã hội phương Tây, vì họ chẳng cảm tiền mặt theo mình, thường dùng thẻ tín dụng. Sau khi đã mất tín nhiệm, quả thật chẳng có cách nào xoay sở trong xã hội. Do đó, họ nhất định phải tuân thủ sự tín nhiệm. Vì quý vị giữ chữ Tín, trong xã hội thứ gì cũng đều suông sẻ. Quý vị chẳng có tín nhiệm, đích xác là chẳng có cách nào sống sót. Pháp thế gian và xuất thế gian đều được kiến lập trên cơ sở Tín Căn. Hôm nay đã hết thời gian rồi.